



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ  
VÀ ĐÔ THỊ IDICO (IDICO - UDICO)**

**BAO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ  
VÀ ĐÔ THỊ IDICO (IDICO - UDICO)**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 44



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị IDICO (IDICO - UDICO) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị IDICO (IDICO - UDICO) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị theo Quyết định số 2028/QĐ-BXD ngày 21/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600486108 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 16 tháng 2 năm 2005, sửa đổi lần 2 ngày 04 tháng 6 năm 2007, lần 3 ngày 24 tháng 6 năm 2010, lần 4 ngày 01 tháng 6 năm 2012 và thay đổi lần 5 ngày 30 tháng 7 năm 2015 với số vốn điều lệ là 80 tỷ đồng.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: IDICO URBAN AND HOUSE DEVELOPMENT INVESTMENT JOINTSTOCK COMPANY, tên viết tắt là: IDICO - UDICO..

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Mã cổ phiếu: UIC

Trụ sở chính tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Bà Trần Thúy Hương	Chủ tịch
Ông Trần Văn Phú	Thành viên
Ông Mai Quốc Chính	Thành viên
Ông Lê Đắc Mạnh	Thành viên
Ông Phan Văn Chính	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

**Ban Giám đốc**

Ông Trần Văn Phú	Giám đốc
Ông Trần Cao Thắng	Phó Giám đốc
Ông Lê Đắc Mạnh	Phó Giám đốc
Ông Phạm Quốc Vượng	Phó Giám đốc

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Trần Văn Phú**

**Giám đốc**

*Đồng Nai, ngày 12 tháng 3 năm 2019*



Số: 156/2019/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị IDICO

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị IDICO**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị IDICO, được lập ngày 12 tháng 03 năm 2019, từ trang 05 đến trang 44, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không. Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



A handwritten signature in blue ink, appearing to read "Luu Huu".

---

**Phan Thanh Nam****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2018-137-1

*Giấy Ủy quyền số: 02/2019/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2019 của Chủ tịch HĐQT*

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM****Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens***Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2019*

---

**Phan Thị Xuân Diệu****Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2742-2015-137-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>271.164.606.867</b>	<b>250.248.616.652</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>44.486.413.033</b>	<b>7.901.191.975</b>
1. Tiền	111		44.486.413.033	7.901.191.975
<b>II- Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>137.064.849.566</b>	<b>140.226.204.477</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	128.895.419.413	122.201.492.583
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		7.363.821.600	17.033.544.897
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	805.608.553	991.166.997
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.5</b>	<b>83.308.572.024</b>	<b>97.085.379.362</b>
1. Hàng tồn kho	141		83.308.572.024	97.085.379.362
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>6.304.772.244</b>	<b>5.035.840.838</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	151.205.999	102.222.045
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.848.883.078	3.926.169.082
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.6	3.304.683.167	1.007.449.711
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>186.837.988.364</b>	<b>192.888.527.333</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.177.900.405</b>	<b>1.377.432.789</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5.2	4.773.849.975	4.978.866.359
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		648.926.111	643.442.111
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.3	705.973.910	705.973.910
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	5.4	(4.950.849.591)	(4.950.849.591)
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>130.015.421.378</b>	<b>131.153.485.352</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	130.015.421.378	131.153.485.352
- Nguyên giá	222		307.089.240.150	290.075.803.495
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(177.073.818.772)	(158.922.318.143)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>5.8</b>	<b>7.689.316.493</b>	<b>8.568.374.585</b>
1. Nguyên giá	231		16.046.366.973	16.046.366.973
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(8.357.050.480)	(7.477.992.388)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>9.720.576.867</b>	<b>12.939.075.871</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	9.720.576.867	12.939.075.871
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.11</b>	<b>33.830.933.265</b>	<b>33.858.554.265</b>
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		36.715.092.265	36.715.092.265
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.884.159.000)	(2.856.538.000)
<b>VI Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.403.839.956</b>	<b>4.991.604.471</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	3.145.457.684	3.927.887.789
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		1.258.382.272	1.063.716.682
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>458.002.595.231</b>	<b>443.137.143.985</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	MS TM		31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>193.640.025.428</b>	<b>186.066.569.300</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>186.266.033.545</b>	<b>169.729.107.652</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	68.025.773.515	73.286.745.382
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.338.211.707	8.695.102.175
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.6	82.846.629	141.763.077
4. Phải trả người lao động	314		6.229.777.959	6.204.321.220
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	-	3.900.595.968
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		28.000.000	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	2.122.608.130	1.946.411.525
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	99.800.000.000	71.900.000.000
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		5.638.815.605	3.654.168.305
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>7.373.991.883</b>	<b>16.337.461.648</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	5.12	295.079.246	380.165.231
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		3.015.493	3.015.493
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		135.897.144	168.280.924
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.14	240.000.000	286.000.000
8. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.15	6.700.000.000	15.500.000.000
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>264.362.569.803</b>	<b>257.070.574.685</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.16</b>	<b>264.362.569.803</b>	<b>257.070.574.685</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	80.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		80.000.000.000	80.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		16.200.000.000	16.200.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		129.002.826.385	72.885.613.677
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		39.159.743.418	87.984.961.008
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	27.463.820.240
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		39.159.743.418	60.521.140.768
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>458.002.595.231</b>	<b>443.137.143.985</b>

Người lập



Phạm Kiên Trung

Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Minh

Đồng Nai, ngày 12 tháng 3 năm 2019

Giám đốc



Trần Văn Phú

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.17	2.544.586.244.543	2.293.350.181.811
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.17	2.544.586.244.543	2.293.350.181.811
4. Giá vốn hàng bán	11	5.18	2.470.706.998.094	2.222.980.132.816
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		73.879.246.449	70.370.048.995
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	7.103.140.797	4.874.509.188
7. Chi phí tài chính	22	5.20	2.761.013.645	1.205.368.778
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.733.392.645	245.630.778
8. Chi phí bán hàng	25	5.21	655.362.968	585.009.062
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.22	15.952.789.175	102.117.354
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		61.613.221.458	73.352.062.989
11. Thu nhập khác	31	5.23	126.584.815	1.538.056.723
12. Chi phí khác	32	5.23	-	54.496.126
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		126.584.815	1.483.560.597
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		61.739.806.273	74.835.623.586
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.24	11.380.062.855	14.314.482.818
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		50.359.743.418	60.521.140.768
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.25	5.477	6.582

Người lập

Kế toán trưởng

Đồng Nai, ngày 12 tháng 3 năm 2019  
 Giám đốc

Phạm Kiên Trung

Nguyễn Ngọc Minh

Trần Văn Phú





**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp trực tiếp)*  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	2.579.298.556.354	2.246.716.424.722
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(2.451.136.402.369)	(2.120.707.143.242)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(21.604.112.304)	(26.486.147.500)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(2.733.392.645)	(245.630.778)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(13.677.296.311)	(15.588.626.620)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	9.795.519.996	15.330.795.395
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(36.697.071.393)	(31.761.768.816)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<b>20</b>	<b>63.245.801.328</b>	<b>67.257.903.161</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(17.742.420.309)	(94.139.915.845)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	28.972.727	1.368.924.136
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	800.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.103.140.797	3.311.209.500
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<b>30</b>	<b>(10.610.306.785)</b>	<b>(88.659.782.209)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	346.930.946.500	307.835.214.500
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(327.830.946.500)	(272.435.214.500)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(35.150.273.485)	(15.993.800.300)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<b>40</b>	<b>(16.050.273.485)</b>	<b>19.406.199.700</b>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</i>	<b>50</b>	<b>36.585.221.058</b>	<b>(1.995.679.348)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	7.901.191.975	9.896.871.323
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	<b>70</b>	<b>44.486.413.033</b>	<b>7.901.191.975</b>

Người lập

Kế toán trưởng

Đồng Nai, ngày 12 tháng 3 năm 2019

Giám đốc

Phạm Kiên Trung

Nguyễn Ngọc Minh

Trần Văn Phú





**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị IDICO (IDICO - UDICO) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị theo Quyết định số 2028/QĐ-BXD ngày 21 tháng 12 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600486108 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 16 tháng 2 năm 2005, giấy phép đăng ký kinh doanh sửa đổi lần 2 ngày 4 tháng 6 năm 2007, lần 3 ngày 24 tháng 6 năm 2010 lần 4 ngày 01 tháng 6 năm 2012 và thay đổi lần 5 ngày 30 tháng 7 năm 2015 với số vốn điều lệ là 80 tỷ đồng.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: IDICO URBAN AND HOUSE DEVELOPMENT INVESTMENT JOINTSTOCK COMPANY

Tên Công ty viết tắt là: IDICO - UDICO.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Mã cổ phiếu: UIC

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Tổng công ty IDICO - CTCP	4.080.000	40.800.000.000	51%
Các cổ đông khác	3.920.000	39.200.000.000	49%
<b>Tổng</b>	<b>8.000.000</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>100%</b>

Địa chỉ đăng ký: Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 126 người (tại 31 tháng 12 năm 2017: 125 người).

**1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh theo giấy phép đăng ký kinh doanh của Công ty:

- Đầu tư phát triển và kinh doanh nhà, cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp, khu kinh tế, các công trình thủy điện, nhiệt điện; Kinh doanh dịch vụ kỹ thuật trong các khu công nghiệp và đô thị;
- Xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng công trình công nghiệp, kỹ thuật hạ tầng;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Xây dựng công trình thủy lợi;
- Lắp đặt máy móc thiết bị phục vụ xây dựng;
- Kinh doanh điện, nước;
- Lắp đặt các thiết bị cơ điện cho công trình dân dụng và công nghiệp;
- Lắp đặt các thiết bị cơ điện lạnh cho công trình dân dụng và công nghiệp;
- Khai thác mỏ, chế biến vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh nguyên liệu, nhiên liệu (xăng, dầu);
- Kinh doanh các thiết bị cơ điện và cơ điện lạnh cho công trình dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Vận chuyển hàng hóa

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Bán buôn các loại quặng, khoáng sản;
- Khai thác, chế biến các loại quặng kim, khoáng sản từ quặng titan
- Thiết kế và thi công các công trình đường dây và trạm biến thế, thiết kế hệ thống cung cấp điện hạ thế, hệ thống cấp thoát nước trong các khu công nghiệp, đô thị, khu dân cư. Tư vấn thiết kế và đầu tư xây dựng. Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế các công trình điện có cấp điện áp  $\leq 35KV$ . Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng và công nghiệp. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp, giao thông đường bộ;
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;

Hoạt động chính của Công ty trong năm: kinh doanh điện năng trong khu công nghiệp, thiết kế và thi công các công trình hạ tầng khu công nghiệp, xây dựng dân dụng.

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2018, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Hoạt động chính</u>
<u>Đơn vị trực thuộc</u>	
Xí nghiệp Lắp máy điện nước	Cung cấp điện
Xí nghiệp Phát triển nhà số 5	Xây lắp dân dụng
Xí nghiệp Xây lắp dân dụng và công nghiệp số 6	Xây lắp dân dụng

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.



#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

##### **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

##### **Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

##### **Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

##### **Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư**

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư dài hạn khác được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này.. Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

##### **Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.



4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ bao gồm các chi phí vật tư trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung phát sinh lũy kế đến ngày kết thúc giai đoạn liên quan đến giá thành sản phẩm xây lắp và hàng hóa bất động sản. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ còn bao gồm giá thành của các nhà thầu phụ và của các xí nghiệp được khoán thi công đã thực hiện hoàn thành nhưng chưa được xác định tiêu thụ trong năm tài chính.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư số 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

*a. Nguyên tắc kế toán*

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

*b. Phương pháp khấu hao*

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2018
	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	
Trạm điện	13
Đường dây điện	12
Nhà cửa, vật kiến trúc khác	20
Máy móc và thiết bị	
Máy biến áp và thiết bị trạm điện	10
Máy móc, thiết bị khác	05
Phương tiện vận tải	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư của công ty tại ngày 31/12/2018 gồm Chung cư 5 tầng 01 và Chung cư 5 tầng 02 dùng để cho công nhân và cán bộ nhân viên trong khu công nghiệp thuê. Thời gian hữu dụng ước tính để tính khấu hao là 10 năm.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Khấu hao: Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính.

Thanh lý: Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

**Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ của Công ty như sau:

- + Quỹ đầu tư phát triển trích theo Nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông thường niên ngày 02 tháng 05 năm 2018.
- + Quỹ khen thưởng phúc lợi trích khoảng 13% lợi nhuận sau thuế năm 2018

**Ghi nhận doanh thu**

**Doanh thu kinh doanh điện năng**

Doanh thu kinh doanh điện năng được ghi nhận trên cơ sở sản lượng điện tiêu thụ thực tế đo lường thông qua công cụ đo đếm điện năng được khách hàng chấp thuận thanh toán

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Hợp đồng xây dựng**

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau:

Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong năm (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư,...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ đo góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Lỗ đầu tư chứng khoán : Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.



4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và các loại thuế khác**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế phù hợp với quy định về pháp luật thuế hiện hành.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, các khoản đầu tư dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác.

*Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả khách hàng và phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm sau khi trừ đi phần trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi.

**Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ (Tổng Công ty IDICO - CTCP) và các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là Kinh doanh điện năng, Xây lắp, Đầu tư và kinh doanh Bất động sản, và lĩnh vực khác gồm có kinh doanh vật tư, thiết kế, chiếm tỷ trọng nhỏ trong hoạt động của Công ty. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	1.129.750.711	1.252.481.565
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	43.356.662.322	6.648.710.410
<b>Cộng</b>	<b>44.486.413.033</b>	<b>7.901.191.975</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ IDICO (IDICO - UDICO)**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.2 Phải thu khách hàng**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>128.895.419.413</b>	<b>122.201.492.583</b>
Công ty Cổ phần dệt Texhong Nhơn Trạch	16.026.822.614	15.425.113.554
Công ty Hualon Corporation Việt Nam	9.988.419.710	16.290.581.933
Tổng công ty IDICO -CTCP	10.140.357.241	8.658.260.083
Các đối tượng còn lại	92.739.819.848	81.827.537.013
<b>b) Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	<b>4.773.849.975</b>	<b>4.978.866.359</b>
Phải thu các khách hàng còn lại	4.773.849.975	4.978.866.359
<b>Trong đó số dư các bên liên quan</b>	<b>14.769.289.790</b>	<b>13.278.152.954</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Vật liệu IDICO	2.849.114.461	3.225.038.145
Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO	1.169.226.931	747.141.420
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO	200.938.060	275.932.699
Chi nhánh Tổng công ty IDICO - CTCP tại Miền Đông	409.653.097	371.780.607
Tổng công ty IDICO -CTCP	10.140.357.241	8.658.260.083
<b>Cộng</b>	<b><u>133.669.269.388</u></b>	<b><u>127.180.358.942</u></b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÓ THỊ IDICO (IDICO - UDICO)**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MÀU B 09 - DN

**5.3 Phải thu khác (Tiếp theo)**

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng
<b>Dài hạn khác (**)</b>	<b>654.351.014</b>	<b>218.794.507</b>	<b>654.351.014</b>	<b>218.794.507</b>
Công ty TNHH Xuân Bình	102.109.973	102.109.973	102.109.973	102.109.973
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 10 IDICO	37.583.984	37.583.984	37.583.984	37.583.984
Công ty TNHH DV Chiến Thắng	67.750.550	67.750.550	67.750.550	67.750.550
Công ty ống thép Sài Gòn	11.350.000	11.350.000	11.350.000	11.350.000
Doanh nghiệp tư nhân Minh Hà	214.600.141	-	214.600.141	-
Công ty TNHH XD TM và SX Long Hải	17.778.454	-	17.778.454	-
Ngô Quang Trung	102.848.420	-	102.848.420	-
Công ty CP ĐT và XD Miền Nam	48.081.492	-	48.081.492	-
Công ty TNHH MTV ô tô Trần Thành	52.248.000	-	52.248.000	-
<b>Cộng</b>	<b>654.351.014</b>	<b>218.794.507</b>	<b>654.351.014</b>	<b>218.794.507</b>

**5.4 Nợ xấu**

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Phương Nga	3.944.304.715	-	3.944.304.715	-
Các đối tượng khác còn lại	1.006.544.876	-	1.006.544.876	-
<b>Cộng</b>	<b>4.950.849.591</b>	<b>-</b>	<b>4.950.849.591</b>	<b>-</b>
<b>Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi</b>	<b>4.950.849.591</b>	<b>-</b>	<b>4.950.849.591</b>	<b>-</b>
<b>Trong đó:</b>				
Công ty TNHH Phương Nga	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	Từ 3 năm trở lên
Khách hàng khác	-	-	-	3.944.304.715
	-	-	-	1.006.544.876



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ IDICO (IDICO - UDICO)**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.5 Hàng tồn kho**

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.982.007.741	-	3.346.371.170	-
Công cụ, dụng cụ	81.860.502	-	26.428.081	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	80.244.703.781	-	93.712.580.111	-
<b>Cộng</b>	<b>83.308.572.024</b>	<b>-</b>	<b>97.085.379.362</b>	<b>-</b>

**5.6 Các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	01/01/2018 (VND)		Số phải nộp trong năm		Số đã nộp trong năm		31/12/2018 (VND)	
<b>Phải nộp</b>	<b>141.763.077</b>	<b>-</b>	<b>18.746.476.879</b>	<b>-</b>	<b>18.805.393.327</b>	<b>-</b>	<b>82.846.629</b>	<b>-</b>
Thuế GTGT	-	-	5.159.639.062	-	5.159.639.062	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	11.380.062.855	-	11.380.062.855	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	141.763.077	-	2.170.758.352	-	2.229.674.800	-	82.846.629	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	30.016.610	-	30.016.610	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	6.000.000	-	6.000.000	-	-	-
<b>Phải thu</b>	<b>1.007.449.711</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.297.233.456</b>	<b>-</b>	<b>3.304.683.167</b>	<b>-</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1.007.449.711	-	-	-	2.297.233.456	-	3.304.683.167	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÓ THỊ IDICO (IDICO - UDICO)**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MÃU B 09 -DN

**5.7 Tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2018	104.474.476.056	176.804.034.809	7.642.344.457	1.154.948.173	290.075.803.495
Tăng trong năm	17.825.300.704	1.470.264.553	-	336.581.000	19.632.146.257
Mua trong năm	-	164.530.000	-	336.581.000	501.111.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	17.825.300.704	1.305.734.553	-	-	19.131.035.257
Giảm trong năm	(2.618.709.602)	-	-	-	(2.618.709.602)
Giảm khác	(2.618.709.602)	-	-	-	(2.618.709.602)
Số dư tại 31/12/2018	119.681.067.158	178.274.299.362	7.642.344.457	1.491.529.173	307.089.240.150
<b>GIÁ TRỊ HAO MÓN LỖY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2018	33.295.196.984	119.366.958.867	5.301.861.707	958.300.585	158.922.318.143
Tăng trong năm	8.286.534.454	11.473.436.747	864.045.403	146.193.627	20.770.210.231
Khấu hao trong năm	8.286.534.454	11.473.436.747	864.045.403	146.193.627	20.770.210.231
Giảm trong năm	(2.618.709.602)	-	-	-	(2.618.709.602)
Giảm khác	(2.618.709.602)	-	-	-	(2.618.709.602)
Số dư tại 31/12/2018	38.963.021.836	130.840.395.614	6.165.907.110	1.104.494.212	177.073.818.772
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2018	71.179.279.072	57.437.075.942	2.340.482.750	196.647.588	131.153.485.352
Tại ngày 31/12/2018	80.718.045.322	47.433.903.748	1.476.437.347	387.034.961	130.015.421.378

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại 31/12/2018 là 83.095.694.929 đồng (tại 31/12/2017 là 77.199.271.316 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2018 là 92.929.251.871 đồng (tại ngày 31/12/2017 là 10.208.196.178 đồng).





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÓ THỊ IDICO (IDICO - UDICO)**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN

**5.8 Bất động sản đầu tư**

Khoản mục	Đơn vị tính: VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>a) Bất động sản đầu tư cho thuê</b>				
Nguyên giá	16.046.366.973	-	-	16.046.366.973
Nhà 05 tầng số 1	8.538.454.666	-	-	8.538.454.666
Chung cư 5 tầng số 2	7.507.912.307	-	-	7.507.912.307
Giá trị hao mòn lũy kế	7.477.992.388	879.058.092	-	8.357.050.480
Nhà 05 tầng số 1	3.787.115.776	475.133.888	-	4.262.249.664
Chung cư 5 tầng số 2	3.690.876.612	403.924.204	-	4.094.800.816
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>8.568.374.585</b>	<b>-</b>	<b>879.058.092</b>	<b>7.689.316.493</b>
- Nhà				
Nhà 05 tầng số 1	4.751.338.890	-	475.133.888	4.276.205.002
Chung cư 5 tầng số 2	3.817.035.695	-	403.924.204	3.413.111.491
<b>b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá</b>				
Nguyên giá	-	-	-	-

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư của bất động sản đầu tư cần được đánh giá và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một Công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này. Theo đó, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 chưa được trình bày trên Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**5.9 Chi phí trả trước**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>151.205.999</b>	<b>102.222.045</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	151.205.999	102.222.045
<b>b) Dài hạn</b>	<b>3.145.457.684</b>	<b>3.927.887.789</b>
Các khoản khác	3.145.457.684	3.927.887.789
<b>Cộng</b>	<b>3.296.663.683</b>	<b>4.030.109.834</b>

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
a) Chi mua sắm	-	-
b) Chi xây dựng cơ bản dở dang	9.720.576.867	12.939.075.871
Khu công nghiệp Sơn Mỹ 2 - tỉnh Bình Thuận	5.153.993.780	5.694.691.053
Hệ thống lưới điện phân phối 22 KV thay đường dây 22 KV cáp trần bằng cáp bọc lộ 483 - 485	-	278.792.727
Hệ thống lưới điện phân phối 22 KV thay đường dây 22 KV cáp trần bằng cáp bọc lộ 476 - 482	-	235.052.727
Đầu nối hệ thống hạ tầng - TBA 110/22 KV Nhơn Trạch V	-	94.047.069
Hệ thống lưới điện phân phối 22 KV thay đường dây 22 KV cáp trần bằng cáp bọc lộ 473-486 (Lộ 475,479 cũ)	84.342.727	-
Hệ thống lưới điện phân phối 22 KV thay đường dây 22 KV cáp trần bằng cáp bọc lộ 475 (Đường dây tải điện 22kV Tuy Hạ cũ)	43.290.000	-
Hệ thống lưới điện phân phối 22kV-Cải tạo đường dây 22kV đường N1,N2	67.445.455	-
Hệ thống lưới điện phân phối 22 KV thay đường dây 22 KV cáp trần bằng cáp bọc đường số 1,3,6,10,12-Lộ 478,481 KCN Nhơn	2.796.936.600	-
Đầu tư trạm biến áp 110/22kV - KCN Nhơn Trạch V	1.574.568.305	5.732.050.036
Cải tạo Nhà kho - Phòng trực công nhân đường dây TBA 110/22kV Tuy Hạ	-	51.665.243
Cải tạo Nhà kho và hàng rào - TBA 110/22kV Tuy Hạ	-	295.105.217
Cải tạo nhà điều hành, nhà ăn, nhà bảo vệ, hàng rào và lắp đặt bảng hiệu tên trạm - TBA 100/22kV Nhơn Trạch V	-	475.014.813
Nhánh đường dây 22kV cấp điện cho Công ty TNHH Quốc tế Thịnh Vượng - Hệ thống lưới điện phân phối 22kV	-	82.656.986
c) Chi sửa chữa	-	-
<b>Cộng</b>	<b>9.720.576.867</b>	<b>12.939.075.871</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ IDICO (IDICO - UDICO)**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN

**5.11 Đầu tư tài chính dài hạn**

Đối tượng đầu tư	Tỷ lệ		31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Vốn năm giữ (%)	Quyền biểu quyết (%)	Số lượng	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>						
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí IDICO (PXL) (*)	0,29%	0,29%	237.100	2.371.000.000	32.819.306.000	2.884.159.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO (HTI) (**)	10,00%	10,00%	2.494.920	27.699.849.300	29.440.056.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO (***)	4,81%	4,81%	264.424	2.644.242.965	2.644.240.000	-
Công ty Cổ phần ĐT PT Đô thị và KCN Quế Võ IDICO (****)	5,00%	5,00%	400.000	4.000.000.000	-	1.248.169.000
<b>Cộng</b>				<u>36.715.092.265</u>	<u>32.819.306.000</u>	<u>2.884.159.000</u>
					<u>44.358.482.400</u>	<u>2.856.538.000</u>

(\*) Giá trị hợp lý của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí IDICO (PXL) được xác định căn cứ vào giá UpCom trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày 28 tháng 12 năm 2018 theo giá đóng cửa là 3.100 đồng x 237.100 Cổ phiếu.

(\*\*) Giá trị hợp lý của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO (HTI) được xác định căn cứ vào giá Niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh tại ngày 28 tháng 12 năm 2018 theo giá đóng cửa là 11.800 đồng x 2.494.920 Cổ phiếu.

(\*\*\*) Giá trị hợp lý của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO (LMI) được xác định căn cứ vào giá UpCom trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày 28 tháng 12 năm 2018 theo giá đóng cửa là 10.000 đồng x 264.424 Cổ phiếu.

(\*\*\*\*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư chưa Niêm yết đối với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và KCN Quế Võ IDICO để thuyết minh trong Báo cáo tài chính do không có giá Niêm yết trên thị trường và Chuán mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÓ THỊ IDICO (IDICO - UDICO)**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN

**5.11 Đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)**

Đối tượng đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí IDICO (PXL)	Lầu 3 - Toà nhà Khang Thông, số 67 Nguyễn Thị Minh Khai, P. Bến Thành, Q1, do Sở Kế hoạch thành phố Hồ Chí Minh cấp phép.	Đầu tư và xây dựng thương mại
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO (HTI)	Km 1906+700 Quốc lộ 1A, KP5, phường Bình Hưng Hòa, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp phép.	Xây dựng, nâng cấp, quản lý, vận hành, khai thác dự án BOT QL1A, đoạn An Suông An Lạc.
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO	Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1- huyện Nhơn Trạch - tỉnh Đồng Nai, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp phép	Xây dựng và lắp máy điện nước
Công ty Cổ phần ĐT PT Đô thị và KCN Quê Võ IDICO	Tầng 13 Tòa nhà Hỗn hợp HH3 Khu đô thị Mỹ Đình, xã Mỹ Trì, huyện Từ Liêm, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp phép.	Xây dựng và quản lý khu công nghiệp Quê Võ

**5.12 Phải trả người bán**

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>68.025.773.515</b>	<b>68.025.773.515</b>	<b>73.286.745.382</b>	<b>73.286.745.382</b>
Công ty TNHH MTV Điện Lực Đồng Nai	49.297.989.100	49.297.989.100	43.942.796.950	43.942.796.950
Các đối tượng còn lại	18.727.784.415	18.727.784.415	29.343.948.432	29.343.948.432
<b>b) Dài hạn</b>	<b>295.079.246</b>	<b>295.079.246</b>	<b>380.165.231</b>	<b>380.165.231</b>
Các đối tượng phải trả	295.079.246	295.079.246	380.165.231	380.165.231
<b>Cộng</b>	<b>68.320.852.761</b>	<b>68.320.852.761</b>	<b>73.666.910.613</b>	<b>73.666.910.613</b>

**Trong đó phải trả bên liên quan**

Công ty CP ĐTXD và Phát triển Vật liệu IDICO  
 Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư IDICO

84.702.471  
 65.929.581  
 18.772.890



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ IDICO (IDICO - UDICO)**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.13 Chi phí phải trả**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	-	3.900.595.968
Chi phí duy tu bảo dưỡng TBA và hệ thống đường dây 22KV	-	3.534.856.716
Dí dờn trụ điện trung thế trước công	-	15.000.000
Công ty Gold Long John	-	15.000.000
Vật tư đường N2 và hệ thống thoát nước (GD1) - KCN Phú Mỹ II	-	35.887.623
Thay thiết bị điện cho Công ty TNHH MTV Concord	-	31.500.000
Thi công ty Xây dựng và lắp đặt thiết bị Trường năm non thuộc dự án: Khu dân cư	-	198.676.736
Thi công Công trình sửa chữa TBA Công ty Dệt may Eclat	-	31.500.000
Thi công công trình Công ty TNHH May mặc United Sweethearts Việt Nam	-	40.174.893
Thi công Công trình sửa chữa TBA Công ty TNHH KHKT Texhong	-	13.000.000
<b>b) Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	-	3.900.595.968

**5.14 Phải trả khác**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	2.122.608.130	1.946.411.525
Kinh phí công đoàn	717.195.222	594.858.752
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	334.295.605	284.569.090
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.071.117.303	1.066.983.683
<b>b) Dài hạn</b>	240.000.000	286.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	240.000.000	286.000.000
<b>c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	-	-
<b>Cộng</b>	2.362.608.130	2.232.411.525
	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Nguyễn Hữu Tường	117.898.488	117.898.488
Nguyễn Đức Lâm	5.068.304	5.068.304
Cong ty TNHH Trường Nam	19.221.600	19.221.600
Các đối tượng còn lại	928.928.911	924.795.291
<b>Cộng</b>	1.071.117.303	1.066.983.683

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐỒ THỊ IDICO (IDICO - UDICO)**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.15 Vay ngắn hạn và dài hạn**

	31/12/2018 (VND)		Trong năm		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	91.000.000.000	91.000.000.000	346.930.946.500	323.430.946.500	67.500.000.000	67.500.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - Chi nhánh Đồng Đăng Nai (**)	91.000.000.000	91.000.000.000	346.930.946.500	323.430.946.500	67.500.000.000	67.500.000.000
<b>b) Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</b>	8.800.000.000	8.800.000.000	8.800.000.000	4.400.000.000	4.400.000.000	4.400.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - Chi nhánh Đồng Đăng Nai (**)	8.800.000.000	8.800.000.000	8.800.000.000	4.400.000.000	4.400.000.000	4.400.000.000
<b>c) Vay dài hạn</b>	6.700.000.000	6.700.000.000	-	8.800.000.000	15.500.000.000	15.500.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - Chi nhánh Đồng Đăng Nai (**)	6.700.000.000	6.700.000.000	-	8.800.000.000	15.500.000.000	15.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>106.500.000.000</b>	<b>106.500.000.000</b>	<b>355.730.946.500</b>	<b>336.630.946.500</b>	<b>87.400.000.000</b>	<b>87.400.000.000</b>

**(\*) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đăng Nai**

Theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/380626/HDTĐ ký ngày 08/08/2018: Vay thường xuyên theo mức dư nợ tối đa với số tiền 175.000.000.000 đồng.

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động cho sản xuất kinh doanh

Thời hạn vay: Theo từng giấy đề nghị giải ngân kiểm hợp đồng tín dụng cụ thể, 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

Lãi suất vay: Được quy định trong từng giấy đề nghị giải ngân kiểm hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

Hình thức đảm bảo tiền vay: Bảo đảm bằng tài sản: hệ thống đường dây điện trung thế, máy đào bánh xích, máy biến áp 63 MVA Nhơn Trạch 5, máy biến áp 63 MVA2 và vật tư kèm theo, máy biến áp 63 MVA1 và vật tư thiết bị đầu nối bảo vệ và phân phối lưới điện.

Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2018: 91.000.000.000 đồng



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ IDICO (IDICO - UDICO)**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 -DN

**5.15 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

(\*) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đồng Nai

Số tiền được vay Theo hợp đồng tín dụng số 01/2016/380626/HĐTD ký ngày 20/09/2016

Mục đích vay Đầu tư mở rộng, nâng công suất trạm biến áp 110/22kV Nhơn Trạch 5

Thời hạn vay Theo từng giấy đề nghị giải ngân kèm hợp đồng tín dụng cụ thể, 38 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

Lãi suất vay Được quy định trong từng giấy đề nghị giải ngân kèm hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

Hình thức đảm bảo tiền vay Bảo đảm bằng tài sản: Tất cả các tài sản hình thành trong tương lai từ dự án vay vốn.

Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2018 15.500.000.000 đồng (đã bao gồm vay và nợ dài hạn đến hạn trả là 8.800.000.000 đồng)



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐỒ THỊ IDICO (IDICO - UDICO)**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 -DN

**5.16 Vốn chủ sở hữu**

**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2017	80.000.000.000	16.200.000.000	62.038.896.846	63.487.910.535	221.726.807.381
Tăng trong năm	-	-	10.846.716.831	60.521.140.768	71.367.857.599
Lãi hoạt động kinh doanh	-	-	-	60.521.140.768	60.521.140.768
Phân phối lợi nhuận	-	-	10.846.716.831	-	10.846.716.831
Giảm trong năm	-	-	-	36.024.090.295	36.024.090.295
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	10.846.716.831	10.846.716.831
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	9.177.373.464	9.177.373.464
Chia cổ tức năm 2016	-	-	-	16.000.000.000	16.000.000.000
<b>Số dư tại 31/12/2018</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>16.200.000.000</b>	<b>72.885.613.677</b>	<b>87.984.961.008</b>	<b>257.070.574.685</b>
Số dư tại 01/01/2018	80.000.000.000	16.200.000.000	72.885.613.677	87.984.961.008	257.070.574.685
Tăng trong năm	-	-	56.117.212.708	50.359.743.418	106.476.956.126
Lãi kinh doanh trong năm	-	-	-	50.359.743.418	50.359.743.418
Phân phối lợi nhuận	-	-	56.117.212.708	-	56.117.212.708
Giảm trong năm	-	-	-	99.184.961.008	99.184.961.008
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	-	56.117.212.708	56.117.212.708
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	7.867.748.300	7.867.748.300
Chia cổ tức năm 2017 (*)	-	-	-	24.000.000.000	24.000.000.000
Tam ứng cổ tức năm 2018 (**)	-	-	-	11.200.000.000	11.200.000.000
<b>Số dư tại 31/12/2018</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>16.200.000.000</b>	<b>129.002.826.385</b>	<b>39.159.743.418</b>	<b>264.362.569.803</b>

(\*) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông thường niên ngày 02 tháng 05 năm 2018.

(\*\*) Tạm chia cổ tức bằng tiền mặt năm 2018 theo Nghị quyết số 06/NQ-HDQT ngày 28/11/2018, tỷ lệ tam ứng 14%/cổ phiếu



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ IDICO (IDICO - UDICO)**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 -DN

**5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Tổng công ty IDICO - CTCP	40.800.000.000	40.800.000.000
Vốn góp của tổ chức, cá nhân khác	39.200.000.000	39.200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>80.000.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	80.000.000.000	80.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	80.000.000.000	80.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	35.200.000.000	16.000.000.000

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2018 Cổ phiếu	01/01/2018 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.000.000	8.000.000
Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

**d. Các quỹ doanh nghiệp**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Quỹ đầu tư phát triển	129.002.826.385	72.885.613.677
<b>Cộng</b>	<b>129.002.826.385</b>	<b>72.885.613.677</b>

**5.17 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu kinh doanh điện năng	2.472.593.546.589	2.236.003.385.135
Doanh thu hoạt động xây lắp	54.211.927.263	38.308.871.908
Doanh thu đầu tư kinh doanh bất động sản	9.953.501.842	15.134.204.189
Doanh thu hàng hóa, dịch vụ khác	7.827.268.849	3.903.720.579
<b>Cộng</b>	<b>2.544.586.244.543</b>	<b>2.293.350.181.811</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ IDICO (IDICO - UDICO)**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 -DN

**5.18 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn kinh doanh điện năng	2.402.137.444.390	2.168.524.291.304
Giá vốn hoạt động xây dựng	52.881.871.032	38.335.173.009
Giá vốn đầu tư, kinh doanh bất động sản	8.936.455.167	13.013.316.420
Giá vốn hàng hóa, dịch vụ khác	6.751.227.505	3.107.352.083
<b>Cộng</b>	<b>2.470.706.998.094</b>	<b>2.222.980.132.816</b>

**5.19 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.215.648.797	1.563.299.688
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.887.492.000	3.311.209.500
<b>Cộng</b>	<b>7.103.140.797</b>	<b>4.874.509.188</b>

**5.20 Chi phí hoạt động tài chính**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền vay	2.733.392.645	245.630.778
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	27.621.000	959.738.000
<b>Cộng</b>	<b>2.761.013.645</b>	<b>1.205.368.778</b>

**5.21 Chi phí bán hàng**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên	586.991.283	547.018.697
Chi phí dùng cụ, đồ dùng	-	970.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	68.371.685	37.020.365
<b>Cộng</b>	<b>655.362.968</b>	<b>585.009.062</b>

**5.22 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	10.069.454.413	8.115.337.992
Chi phí vật liệu quản lý	470.551.847	456.353.601
Chi phí đồ dùng văn phòng	144.871.530	1.238.363.851
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.010.239.030	1.076.948.908
Thuế phí và lệ phí	667.201.801	767.248.081
Chi phí dự phòng	-	(19.288.709.187)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.795.844.130	1.122.835.358
Chi phí bằng tiền khác	1.794.626.424	6.613.738.750
<b>Cộng</b>	<b>15.952.789.175</b>	<b>102.117.354</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ IDICO (IDICO - UDICO)**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 -DN

**5.23 Lợi nhuận khác**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<i>Thu nhập khác</i>		
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	28.972.727	1.368.924.136
Các khoản khác	97.612.088	169.132.587
<b>Cộng</b>	<b>126.584.815</b>	<b>1.538.056.723</b>
<i>Chi phí khác</i>		
Các khoản khác	-	54.496.126
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>54.496.126</b>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>126.584.815</b>	<b>1.483.560.597</b>

**5.24 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<b>1.1 Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>61.739.806.273</b>	<b>74.835.623.586</b>
<i>Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>48.000.000</i>	<i>48.000.000</i>
<i>Thù lao của Hội đồng Quản trị</i>	<i>48.000.000</i>	<i>48.000.000</i>
<i>Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>4.887.492.000</i>	<i>3.311.209.500</i>
<i>Thu nhập từ nhận cổ tức</i>	<i>4.887.492.000</i>	<i>3.311.209.500</i>
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>56.900.314.273</b>	<b>71.572.414.086</b>
<b>1.2. Thu nhập từ hoạt động xây lắp</b>	<b>1.330.056.231</b>	<b>(26.301.101)</b>
<b>1.3. Thu nhập từ kinh doanh điện</b>	<b>51.742.299.379</b>	<b>66.171.607.699</b>
<b>1.4. Thu nhập từ hoạt động khác</b>	<b>3.827.958.663</b>	<b>5.427.107.488</b>
<i>Thuế suất thuế TNDN áp dụng</i>	<i>20%</i>	<i>20%</i>
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>11.380.062.855</b>	<b>14.314.482.818</b>
<b>Thuế TNDN hiện hành</b>	<b>11.380.062.855</b>	<b>14.314.482.818</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ IDICO (IDICO - UDICO)**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 -DN

**5.25 Lãi trên cơ bản cổ phiếu**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập	50.359.743.418	60.521.140.768
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	50.359.743.418	60.521.140.768
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	8.000.000	8.000.000
Số trích Quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	6.546.766.644	7.867.748.300
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP) (**)</b>	<b>5.477</b>	<b>6.582</b>

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông thường niên ngày 02 tháng 05 năm 2018, Công ty trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2017 với tỷ lệ khoảng 13% trên lợi nhuận sau thuế, tương ứng với số tiền là 7.867.748.300 đồng. Theo đó, ước tính 12 tháng năm 2018 là 6.546.766.644 đồng, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2018 có thể thay đổi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

(\*\*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2017 được tính toán lại do xác định lại các khoản điều chỉnh được căn cứ vào mức trích quỹ khen thưởng phúc lợi thực tế được thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 02 tháng 05 năm 2018. Việc xác định lại nêu trên làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2017 tăng từ 6.038 VND lên 6.582 VND.

**5.26 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	27.169.934.739	23.161.530.844
Chi phí nhân công	29.062.362.006	32.005.059.819
Chi phí khấu hao tài sản cố định	21.649.268.323	20.888.787.159
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.413.764.234.266	2.194.387.839.843
Chi phí khác bằng tiền	2.215.109.628	6.983.516.566
<b>Cộng</b>	<b>2.493.860.908.962</b>	<b>2.277.426.734.231</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ IDICO (IDICO - UDICO)**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MÀU B 09 - DN

**6. THÔNG TIN KHÁC**

**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và Thư ký HĐQT:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2018</u> VND	<u>Năm 2017</u> VND
Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và Thư ký HĐQT	Thu nhập từ lương, thưởng và các khoản khác	5.029.140.240	4.621.703.000

Các giao dịch bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2018</u> VND	<u>Năm 2017</u> VND
<u>Giao dịch mua</u>				
1. Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp IDICO	Đơn vị cùng Tổng IDICO	Tiền nước	259.610.266	244.583.076
		Tiền thuê lại đất	20.905.173	20.905.173
		Tiếp khách	-	71.807.273
2. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển vật liệu IDICO	Đơn vị cùng Tổng IDICO	Xăng dầu	240.974.329	230.006.510
3. Chi nhánh Tổng công ty IDICO -CTCP tại Miền đông	Chi nhánh - Công ty mẹ	Sửa chữa hư hỏng công trình	-	54.496.126
4. Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư IDICO	Đơn vị cùng Tổng IDICO	Thí nghiệm	326.265.372	67.027.273
<b>Cộng</b>			<b>847.755.140</b>	<b>688.825.431</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐỒ THỊ IDICO (IDICO - UDICO)**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

Mẫu B 09 - DN

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<b>Giao dịch bán</b>				
1. Chi nhánh Tổng công ty IDICO -CTCP tại Miền đông	Chi nhánh - Công ty mẹ	Cung cấp điện	4.336.556.101	3.650.090.531
2. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Vật liệu IDICO	Đơn vị cùng Tổng IDICO	Cung cấp vật tư Cung cấp điện	- 2.333.332.123	170.244.321 2.676.816.190
3. Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp IDICO	Đơn vị cùng Tổng IDICO	Thiết bị đo lường Cung cấp điện	32.500.000 11.871.955.040	- 10.790.327.628
4. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO	Đơn vị cùng Tổng IDICO	Xây lắp Thiết bị đo lường Cung cấp điện	32.900.000 1.624.797.937	808.397.273 23.702.711 1.082.260.629
5. Tổng công ty IDICO -CTCP	Công ty mẹ	Thiết bị đo lường Giá trị xây lắp Cung cấp vật tư	- 18.815.346.059 4.055.459.359	2.300.000 4.264.530.909 -
<b>Cộng</b>			<b>43.102.846.619</b>	<b>23.468.670.192</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐỒ THỊ IDICO (IDICO - UDICO)**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MÃUB 09 - DN

**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

Số dư phải thu và phải trả các bên liên quan:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Khoản mục</b>	<b>31/12/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
1. Tổng công ty IDICO -CTCP 2. Chi nhánh Tổng công ty IDICO -CTCP tại Miền đông 3. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Vật liệu IDICO 4. Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp IDICO 5. Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư IDICO 6. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO	Phải thu khách hàng	10.140.357.241	8.658.260.083
	Phải thu khách hàng	409.653.097	371.780.607
	Phải thu khách hàng	2.849.114.461	3.225.038.145
	Phải thu khách hàng	1.169.226.931	747.141.420
	Ứng trước cho người bán	97.000.000	97.000.000
	Phải thu khách hàng	200.938.060	275.932.699
<b>Cộng</b>		<b>14.866.289.790</b>	<b>13.375.152.954</b>
		<b>31/12/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
	<b>Khoản mục</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
1. Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp IDICO 2. Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư IDICO 3. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Vật liệu IDICO	Người mua trả tiền trước	934.386.000	-
	Phải trả người bán	-	18.772.890
	Phải trả người bán	-	65.929.581
<b>Cộng</b>		<b>934.386.000</b>	<b>84.702.471</b>



**6.2 Công cụ tài chính**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.15, tiền, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.486.413.033	7.901.191.975
Phải thu khách hàng và phải thu khác	130.843.747.871	124.340.395.869
Đầu tư tài chính dài hạn khác	33.830.933.265	33.858.554.265
<b>Tổng</b>	<b>209.161.094.169</b>	<b>166.100.142.109</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	106.500.000.000	87.400.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	70.683.460.891	75.899.322.138
Chi phí phải trả	-	3.900.595.968
<b>Cộng</b>	<b>177.183.460.891</b>	<b>167.199.918.106</b>

**Các loại công cụ tài chính**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.



**6.2 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty không có các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

*Rủi ro về giá*

Công ty chịu rủi ro về giá từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty Cổ phần đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí IDICO (mã chứng khoán PXL giao dịch trên thị trường UPCOM) với giá trị 2.371.000.000 đồng (tương ứng 237.100 cổ phiếu) và Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và KCN Quê Võ IDICO với giá trị là 4.000.000.000 đồng (tương ứng 400.000 cổ phiếu). Tại thời điểm 31/12/2018, giá của cổ phiếu PXL tại thị trường UPCOM là 3.100 VND/cổ phiếu và Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2018 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và KCN Quê Võ IDICO đã được kiểm toán. Công ty đã trích lập dự phòng tổn thất cho hai khoản đầu tư tài chính này theo hướng dẫn tại thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 với số tiền lần lượt là 1.635.990.000 đồng và 1.248.169.000 đồng.

Các khoản đầu tư khác được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đã tiến hành rà soát tình trạng công nợ phải thu khách hàng, kết hợp đồng thời với thủ tục đối chiếu xác nhận công nợ phải thu, Công ty đã phân loại và đánh giá khả năng thu hồi công nợ theo từng khách hàng. Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 với số tiền là 4.950.849.591 đồng.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ IDICO (IDICO - UDICO)**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 -DN

**6.2 Công cụ tài chính (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Tại 31/12/2018	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	70.148.381.645	535.079.246	70.683.460.891
Các khoản vay	99.800.000.000	6.700.000.000	106.500.000.000
<b>Tổng</b>	<b>169.948.381.645</b>	<b>7.235.079.246</b>	<b>177.183.460.891</b>
Tại 01/01/2018	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	75.233.156.907	666.165.231	75.899.322.138
Chi phí phải trả	3.900.595.968	-	3.900.595.968
Các khoản vay	71.900.000.000	15.500.000.000	87.400.000.000
<b>Cộng</b>	<b>151.033.752.875</b>	<b>16.166.165.231</b>	<b>167.199.918.106</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại 31/12/2018	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.486.413.033	-	44.486.413.033
Phải thu khách hàng và phải thu khác	129.672.027.966	1.171.719.905	130.843.747.871
Đầu tư tài chính dài hạn khác	-	33.830.933.265	33.830.933.265
<b>Cộng</b>	<b>174.158.440.999</b>	<b>35.002.653.170</b>	<b>209.161.094.169</b>
Tại 01/01/2018	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.901.191.975	-	7.901.191.975
Phải thu khách hàng và phải thu khác	122.963.659.580	1.376.736.289	124.340.395.869
Đầu tư tài chính dài hạn khác	-	33.858.554.265	33.858.554.265
<b>Cộng</b>	<b>130.864.851.555</b>	<b>35.235.290.554</b>	<b>166.100.142.109</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐỒ THỊ IDICO (IDICO - UDICO)**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MÃU B 09 -DN

**6.3 Báo cáo bộ phận**

Công ty lập Báo cáo bộ phận theo 4 bộ phận phân theo lĩnh vực kinh doanh gồm: Kinh doanh điện năng, Xây lắp, Đầu tư và kinh doanh Bất động sản và lĩnh vực khác gồm có kinh doanh vật tư, thiết kế, thẩm kế chiếm tỷ trọng nhỏ trong hoạt động của Công ty

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

	Kinh doanh điện			Đầu tư, kinh doanh Bất động sản			Tổng
	Xây lắp	Xây lắp	Khác	Xây lắp	Xây lắp	Khác	
<b>TÀI SẢN</b>							
Tài sản cố định	131.153.485.352	-	-	8.568.374.585	-	-	139.721.859.937
Xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	-	12.939.075.871	-	12.939.075.871
Các khoản phải thu	92.419.578.840	40.437.077.236	-	6.824.087.456	1.922.893.734	-	141.603.637.266
Hàng tồn kho	-	98.149.096.044	-	-	-	-	98.149.096.044
Tài sản không thể phân bổ	-	-	-	-	-	-	50.723.474.867
<b>Tổng tài sản</b>							<b>443.137.143.985</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>							
Các khoản phải trả	43.942.796.950	35.032.728.263	-	3.925.170.716	15.765.873.371	-	98.666.569.300
Phải trả tiền vay	87.400.000.000	-	-	-	-	-	87.400.000.000
<b>Tổng nợ phải trả</b>							<b>186.066.569.300</b>

Báo cáo Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Kinh doanh điện			Đầu tư, kinh doanh Bất động sản			Tổng
	Xây lắp	Xây lắp	Khác	Xây lắp	Xây lắp	Khác	
Tổng doanh thu	2.236.003.385.135	38.308.871.908	-	15.134.204.189	3.903.720.579	-	2.293.350.181.811
Kết quả kinh doanh bộ phận	66.171.607.699	(26.301.101)	-	1.535.878.707	796.368.496	-	68.477.553.801
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	-	-	68.477.553.801
Lợi nhuận từ các khoản đầu tư	-	-	-	-	-	-	4.874.509.188
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-	-	1.483.560.597
Lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-	-	-	-	-	74.835.623.586
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-	(14.314.482.818)
<b>Lợi nhuận trong năm</b>							<b>60.521.140.768</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÓ THỊ IDICO (IDICO - UDICO)**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MÃU B 09 - DN

**6.3 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)**

*Đơn vị tính: VND*

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Kinh doanh điện	Xây lắp	Đầu tư, kinh doanh Bất động sản	Khác	Tổng
<b>TÀI SẢN</b>					
Tài sản cố định	130.015.421.378	-	7.689.316.493	-	137.704.737.871
Xây dựng cơ bản dở dang	4.566.583.087	-	-	5.153.993.780	9.720.576.867
Các khoản phải thu	100.504.888.788	30.570.405.577	6.228.234.585	939.221.021	138.242.749.971
Hàng tồn kho	-	84.566.954.296	-	-	84.566.954.296
Tài sản không thể phân bổ	-	-	-	-	87.767.576.226
<b>Tổng tài sản</b>					<b>458.002.595.231</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>					
Các khoản phải trả	49.297.989.100	21.436.741.862	1.268.009.158	15.137.285.308	87.140.025.428
Phải trả tiền vay	106.500.000.000	-	-	-	106.500.000.000
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>193.640.025.428</b>

Báo cáo Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Kinh doanh điện	Xây lắp	Đầu tư, kinh doanh Bất động sản	Khác	Tổng
<b>DOANH THU</b>					
Tổng doanh thu	2.472.593.546.589	54.211.927.263	9.953.501.842	7.827.268.849	2.544.586.244.543
Kết quả kinh doanh bộ phận	51.742.299.379	1.330.056.231	361.683.707	1.076.041.344	54.510.080.661
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	54.510.080.661
Lợi nhuận từ các khoản đầu tư	-	-	-	-	7.103.140.797
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	126.584.815
Lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-	-	-	61.739.806.273
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	(11.380.062.855)
<b>Lợi nhuận trong năm</b>					<b>50.359.743.418</b>



**6.4 Số liệu so sánh**

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM, thành viên Hãng kiểm toán quốc tế Moore Stephens.

Đồng Nai, ngày 12 tháng 3 năm 2019

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
		
Phạm Kiên Trung	Nguyễn Ngọc Minh	Trần Văn Phú



  
